

Bản án số: 36/2024/HS-PT

Ngày: 10-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Quê**Các Thẩm phán:**

Ông Trịnh Xuân Miên

Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hải Sơn, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Lê Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2024/TLPT-HS ngày 11 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo Bùi Tấn Ph, Nguyễn Hữu T, Huỳnh Thanh Q, Nguyễn H Tr2 và Huỳnh Văn T1 do có kháng cáo của bị cáo T và của các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. Bùi Tấn Ph (tên gọi khác là Ph Đen), sinh năm 1990 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Khóm M, thị trấn S, huyện Tr, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Hưng Đ (đã chết) và bà Lê Thị T (đã chết); vợ tên Nguyễn Thảo L và có 01 người con; tiền án: Có 01 tiền án (Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 75/2012/HSPT, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/9/2016 nhưng chưa chấp hành phần dân sự); tiền sự: Không; nhân thân: Có 01 tiền sự đã được xóa (Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2018/HSST ngày 06/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/4/2020, nộp án phí hình sự sơ thẩm và tiền sung quỹ Nhà nước xong vào ngày 17/9/2019), Ngày 31/10/2023, bị Công an huyện Trần Văn Thời xử phạt vi phạm hành chính 6.500.000 đồng về hành vi gây thương tích cho ông Nguyễn Minh Th vào ngày 06/8/2023 (chưa nộp phạt); bị tạm giữ từ ngày 09/8/2023; bị tạm giam từ ngày 15/8/2023 đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Nguyễn Hữu T (tên gọi khác là Cu Hòn), sinh năm 1987 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Khóm M, thị trấn S, huyện Tr, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tr và bà Bé Thị L; vợ tên Nguyễn Thanh Th (đã ly

hôn) và 01 có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 09/8/2023; bị tạm giam từ ngày 15/8/2023 đến nay. Bị cáo có mặt.

3. Huỳnh Thanh Q (tên gọi khác là Bi Q), sinh năm 2001 tại tỉnh Cà Mau; nơi thường trú: Khu vực 1, phường H, thành phố Ng, tỉnh Hậu Giang; chỗ ở khác: Khóm M, thị trấn S, huyện Tr, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Thanh H và bà Nguyễn Thị Tr1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08/8/2023; bị tạm giam từ ngày 14/8/2023 đến nay. Bị cáo có mặt.

4. Nguyễn Hải Tr2, sinh năm 1994 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Khóm M, thị trấn S, huyện Tr, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng Ngh và bà Đào Thị M; vợ tên Nguyễn Như Q1 và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 07/8/2023; bị tạm giam từ ngày 16/8/2023 đến ngày 05/02/2024 được trả tự do tại Phên tòa sơ thẩm. Bị cáo tại ngoại có mặt.

5. Huỳnh Văn T1, sinh năm 1992 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Khóm H, thị trấn S, huyện Tr, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Ph1 và bà Nguyễn Thị Ng; vợ tên Huỳnh Thị Kiều L1 và chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Có 01 tiền án đã được xóa (Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2014/HSPT ngày 10/9/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”, đã chấp hành xong hình phạt ngày 15/01/2018, nộp xong phần án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm ngày 10/11/2014); bị tạm giữ ngày 08/8/2023; bị tạm giam từ ngày 14/8/2023 đến ngày 05/02/2024 được trả tự do tại Phên tòa sơ thẩm. Bị cáo tại ngoại có mặt.

- Bị hại có kháng cáo:

1. Ông Nguyễn Minh Th (tên gọi khác là H gà), sinh năm 1982 (có mặt)

2. Ông Mai Hữu D, sinh năm 1985 (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Khóm M, thị trấn S, huyện Tr, tỉnh Cà Mau.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th: Luật sư Phạm Xuân Ký của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Luật Sống thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau. Luật sư có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (không được Tòa án triệu tập): Chị Huỳnh Thị Kiều Ly và ông Trần Trường An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 06/8/2023, Bùi Tấn Ph phát hiện ông Nguyễn Minh Th và ông Mai Hữu D đi ăn tối tại quán Ao Cá thuộc khóm M, thị trấn S, huyện Tr, tỉnh Cà Mau. Do trước đó giữa ông Th với người thân của Ph có mâu thuẫn nhau nên Ph chạy đến trên tay cầm cây dao Thái Lan cán màu vàng đâm ông Th nhưng phía ông Th bỏ chạy. Khi đó, Ph rượt đuổi được một đoạn thì ông Th và Ph câu vật, giằng co

với nhau làm cho lưỡi dao bị gãy. Ph cắn vào người ông Th, còn ông D dùng ly thủy tinh ném trúng vào người của Ph. Sau đó được mọi người can ra thì Th bỏ chạy. Lúc này, ông D lấy cây đá dùng để đào đất tại quán Ao Cá rồi điều khiển xe về nhà của ông Th, phía ông Th sau khi thấy xe Exciter của Ph để tại quán thì ông Th điều khiển xe của Ph chạy về trình báo công an. Trước khi ông Th điều khiển xe của Ph thì ông Th có nói với anh Nguyễn Văn Tr3 và chị Phạm Thị Ng là chủ quán và nhân viên quán Ao Cá biết. Trên đường về, ông Th ghé đậu xe ngoài đường trước cửa nhà của ông Th để điện báo công an thì lúc này Ph điện thoại đe dọa ông Th, tiếp đó ông Th gọi điện cho ông L là Trưởng Công an thị trấn Sông Đốc biết sự việc nhưng không điện được. Khoảng vài phút sau thì Ph trên tay cầm một cây dao tự chế cùng với Nguyễn Hữu T trên tay cầm hai cây kéo đến trước cửa nhà của ông Th thuộc khóm M, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau chửi bới, gây náo loạn tại khu vực dân cư sinh sống. Tiếp đó, Huỳnh Thanh Q khi nghe sự việc nên trên tay cầm một cây dao tự chế chạy đến trước cửa nhà của ông Th để bênh vực cho Ph, đồng thời cùng với Ph, T chửi bới, gây náo loạn tại khu vực dân cư sinh sống. Lúc này, ông D cầm hai cây dao và ông Th cầm cây đá chạy ra ngoài dùng hung khí chém qua lại với Ph, T và Q nhưng không có ai bị thương tích. Tại thời điểm này, Nguyễn H Tr2 và Huỳnh Văn T1 uống nước gần đó nghe Ph đánh nhau, vì muốn bênh vực cho Ph nên Tr2 kêu T1 mở cốp xe ra lấy một khẩu súng bắn đạn cao su và điều khiển xe chở Tr2 đến nơi xảy ra sự việc. Khi xe dừng lại thì Tr2 xuống và dùng súng bắn đạn cao su bắn hai phát về phía nhà ông Th, trong đó có một phát trúng vào chân bên phải của ông D gây thương tích và sau khi gây thương tích cho ông D thì Tr2 kêu T1 điều khiển xe bỏ chạy. Khi đó, Ph cùng với T và Q dùng hung khí ném về phía ông Th và ông D, trong đó Q dùng gạch, nón bảo hiểm ném trúng cằm và chân của ông Th gây thương tích. Khi ông Th và ông D chạy vào nhà thì Ph đến lấy xe Exciter mà ông Th đã chạy về trước đó rồi cùng với T và Q rời khỏi hiện trường. Đối với Tr2, T1 và Q sau khi sự việc xảy ra thì đến công an đầu thú.

Kết luận giám định số 182/KLTTCT-TTPY ngày 09/8/2023 của Tr2 tâm pháp y tỉnh Cà Mau đối với thương tích của Mai Hữu D gồm 01 vết thương và vết phẫu thuật 1/3 giữa mặt trong đùi pH kích thước 4cm x 0,3cm, tỷ lệ 2%.

Kết luận giám định số 5334/KL-KTHS ngày 25/8/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận khẩu súng do Nguyễn H Tr2 dùng bắn vào chân của ông Mai Hữu D là công cụ hỗ trợ, không pH là vũ khí quân dụng.

Kết luận giám định số 183/KLTTCT-TTPY ngày 09/8/2023 của Tr2 tâm pháp y tỉnh Cà Mau đối với thương tích của Nguyễn Minh Th gồm:

- Một vết xước da vùng trán pH, kích thước 1,5cm x 0,1cm, không xếp tỷ lệ %.
- Một vết rách da vùng trán trái, kích thước 02cm x 0,2cm, tỷ lệ 3%.
- Một vết thương vùng môi dưới bên trái, kích thước 3,5cm x 0,2cm, tỷ lệ 3%.
- Một vết xước da 1/3 trên mặt sau cẳng tay trái, kích thước 06cm x 0,1cm, không xếp tỷ lệ %.
- Một vết xước da ngang cán ức pH, kích thước 05cm x 0,5cm, không xếp tỷ lệ %.
- Một vết thương hình cung răng dưới xương bả vai pH, kích thước 4,5cm x 04cm, tỷ lệ 2%.

- Một vết xước da vùng hông lưng pH, kích thước 02cm x 0,2cm, không xếp tỷ lệ %.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 8%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Bùi Tấn Ph 02 năm 03 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Huỳnh Thanh Q 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Q 04 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Q phải chấp hành chung là 02 năm 04 tháng tù;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Hải Tr2 06 tháng 03 ngày tù về tội “Cố ý gây thương tích”;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Huỳnh Văn T1 06 tháng 02 ngày tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử lý về trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí và Q kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/02/2024, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 19/02/2024, bị hại D kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm, lý do bỏ lọt tội phạm đối với bị cáo Tr2 về tội “Gây rối trật tự công cộng”, mức hình phạt đối với các bị cáo quá nhẹ, chưa tương xứng với Th chất, hành vi phạm tội.

Ngày 19/02/2024, bị hại Th kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm, lý do bỏ lọt tội phạm đối với các bị cáo Ph, T về tội “Cố ý gây thương tích”, bị cáo Tr2 về tội “Gây rối trật tự công cộng”; mức hình phạt đối với các bị cáo là quá nhẹ, chưa tương xứng với Th chất, hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo T và các bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Đề nghị áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 355, Điều 356; điểm a, b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị hại; hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời để điều tra lại vụ án đối với các bị cáo Ph, T và Q; giữ nguyên phần Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời về hình phạt đối với bị cáo Tr2 và T1.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Th trình bày: Đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên về việc hủy 01 phần bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ

án đối với bị cáo Ph, T và Q; bị cáo Tr2 có dấu hiệu của tội “Gây rối trật tự công cộng” nên đề nghị hủy án sơ thẩm đối với bị cáo Tr2 để điều tra thêm về tội này.

- Ông Th trình bày: Thống nhất với ý kiến của Luật sư.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo Ph, Q, Tr2 và T1: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Lời nói sau cùng của bị cáo T: Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Phên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Tấn Ph, Nguyễn Hữu T, Huỳnh Thanh Q, Nguyễn Hải Tr2 và Huỳnh Văn T1 thừa nhận trước khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này, các bị cáo có mối quan hệ quen thân nhau. Chính quyền thị trấn Sông Đốc xác định các đối tượng này do Bùi Tấn Ph cầm đầu. Riêng bị cáo T, Q, Tr2 và T1 xác định không có mâu thuẫn gì với ông Nguyễn Minh Th và ông Mai Hữu D. Còn bị cáo Ph xác định có mâu thuẫn với ông Th trước khi xảy ra sự việc khoảng 06, 07 tháng, nhưng không được ông Th thừa nhận.

[2] Về hành vi gây rối trật tự công cộng:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Ph, T và Q thừa nhận: Vào khoảng 23 giờ ngày 06/8/2023, Ph trên tay cầm một cây dao tự chế, T cầm hai cây kéo và Q cầm một cây dao thực hiện hành vi la lối, chửi bới gây náo loạn trước cửa nhà ông Th tại khu vực dân cư sinh sống thuộc khóm M, thị trấn S. Theo Công văn số 318/UBND-VP ngày 09/8/2023, Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc đã đánh giá hành vi của các bị cáo ảnh hưởng nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây hoang mang trong nhân dân trên địa bàn thị trấn Sông Đốc, đồng thời kiến nghị các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Trần Văn Thời điều tra, truy tố và xét xử các đối tượng thật nghiêm minh, đúng quy định của pháp luật để góp phần răn đe, làm ổn định tình hình an ninh chính trị tại địa phương. Với các tình tiết này, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã xét xử bị cáo Ph, T và Q về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2.2] Đối với bị cáo Tr2 và bị cáo T1 không bị các bị cáo Ph, T và Q rủ rê tham gia gây rối trật tự công cộng. Các bị cáo không có tham gia la hét, chửi bới, đâm chém nhau với nhóm của bị hại. Thời điểm hai bị cáo này có mặt và rời khỏi hiện trường trong khoảng thời gian ngắn và không cùng với các bị cáo Ph, T và Q. Mặt khác, bị cáo Tr2 và bị cáo T1 thực hiện hành vi gây thương tích cho ông D một cách bộc phát, tự ý, hành vi diễn ra nhanh và chấm dứt ngay tức khắc, nên các bị cáo không đồng phạm với các bị cáo Ph, T và Q về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Do đó, kháng cáo của ông D cho rằng có dấu hiệu bỏ lọt tội “Gây rối trật tự công cộng” đối với bị cáo Tr2 là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hành vi cố ý gây thương tích:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Q, Tr2 và T1 thừa nhận: Trong quá trình gây rối trước cửa nhà ông Th, bị cáo Q có dùng gạch và nón bảo hiểm là loại

hung khí nguy hiểm ném vào nhóm của ông Th, trong đó có trúng vào vùng cằm ông Th gây thương tích. Kết quả giám định xác định ông Th có một vết thương vùng môi dưới bên trái, kích thước 3,5cm x 0,2cm có tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 3%. Ông Th cũng xác định thương tích này do bị cáo Q dùng gạch ném gây ra. Đối với bị cáo Tr2 và bị cáo T1 khi phát hiện các bị cáo Ph, T và Q la lối, chửi bới trước cửa nhà ông Th và do muốn bênh vực bị cáo Ph, nên bị cáo Tr2 kêu bị cáo T1 điều khiển xe mô tô chở đến nơi xảy ra sự việc. Khi đến nơi, bị cáo Tr2 kêu bị cáo T1 mở cốp xe, bị cáo Tr2 lấy ra một khẩu súng bắn đạn cao su rồi bắn hai phát về phía nhóm của ông Th. Trong đó, có một phát trúng vào mặt trong đùi phải của ông D gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 2%. Với các tình tiết này, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã xét xử các bị cáo Q, Tr2 và T1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3.2] Hành vi gây thương tích của bị cáo Tr2 và T1 đối với ông D là độc lập so với hành vi gây thương tích của bị cáo Q đối với ông Th. Trong đó, bị cáo Tr2 và bị cáo T1 là đồng phạm trong việc gây thương tích cho ông D. Các bị cáo gây thương tích cho ông Th và ông D trong khi hai bên không có mâu thuẫn với nhau, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, tính mạng và sức khỏe của người khác, sẵn sàng sử dụng vũ lực để bênh vực đồng bọn. Hành vi của các bị cáo có tính chất côn đồ nhưng không được cấp sơ thẩm đánh giá và xác định tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật.

[3.3] Về hình phạt đối với các bị cáo Tr2 và T1 và Q:

[3.3.1] Đối với bị cáo Tr2 và T1:

Quá trình xét xử, cấp sơ thẩm đã đánh đúng giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, hậu quả gây ra và xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đã nộp khắc phục một phần hậu quả; Đầu thú. Riêng bị cáo Tr2 còn được hưởng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có bác ruột tên Nguyễn Bá Th1 là liệt sĩ; đối với bị cáo T1, mặc dù bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng bị cáo có 01 tiền án đã được xóa, nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng như bị cáo Tr2.

Thương tích của ông D do bị cáo Tr2 và bị cáo T1 gây ra có tỷ lệ 2% chỉ ở mức khởi điểm tại khoản 1 của điều luật. Tuy hành vi của các bị cáo có tính chất côn đồ, nhưng với các tình tiết giảm nhẹ đã được xác định, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Tr2 06 tháng 03 ngày tù, xử phạt bị cáo T1 06 tháng 02 ngày tù là tương xứng. Do thời hạn tù bằng với thời gian các bị cáo bị tạm giữ và tạm giam, nên cấp sơ thẩm trả tự do cho các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp.

[3.3.2] Đối với bị cáo Q:

Quá trình xét xử, cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, hậu quả gây ra và xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đã khắc phục được một phần hậu quả; Đầu thú. Tuy nhiên, bị cáo gây thương tích cho ông Th 3% và có tính chất côn đồ, nhưng chỉ bị xử phạt

04 tháng tù là nhẹ so với mức hình phạt mà cấp sơ thẩm quyết định đối với bị cáo Tr2 và bị cáo T1.

[3.4] Đối với hành vi gây thương tích cho ông Th:

Qua xem xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, đối chiếu với các tài liệu có trong hồ sơ, thấy rằng:

- Đối với bị cáo Q: Khi T điều khiển xe mô tô chở Ph đến nhà ông Th, thì Q mang theo 01 con dao và một mình điều khiển xe mô tô chạy đến ngay sau đó để bênh vực Ph. Khi vừa đến nơi, Q cùng Ph, T la lối, chửi bới “Đ.M tui mày là mấy con chó, chém chết mẹ tui mày”. Q dùng dao chém nhau với nhóm của ông Th. Ngoài ra, Q còn nhiều lần dùng gạch, đá lượm ở vỉa hè ném về phía ông Th và ông D, trong đó có 01 lần trúng vào cằm của ông Th gây tổn thương cơ thể ở thời điểm giám định 3%. Sau khi ném trúng cằm ông Th, Ph, T và Q còn tiếp tục chửi bới, đâm chém, ném gạch, đá với nhóm của ông Th cho đến khi nhóm của ông Th chạy vào trong nhà, đóng cửa kính cường lực lại thì nhóm của Ph, T và Q mới rời đi.

- Đối với bị cáo Ph: Sau khi rời khỏi quán Ao Cá, bị cáo điện thoại hỏi ông Th ở đâu để tiếp tục thách thức đánh nhau là phù hợp với trình bày của ông Th. Bị cáo điện thoại cho bị cáo T dùng xe mô tô chở bị cáo đến nhà của ông Th. Khi đến nơi, Ph dùng dao, T dùng kéo la lối, chửi bới, đâm chém nhau với nhóm của ông Th. Riêng bị cáo Ph trực tiếp chửi “Đ.M tui mày, chém chết mẹ tui mày” nhiều lần. Các bị cáo T và Q có nghe và cùng bị cáo Ph chửi, thách thức, đâm chém với nhóm ông Th. Bị cáo Ph còn nhìn thấy Q dùng dao chém, dùng gạch, đá ném về phía ông Th và ông D.

- Đối với bị cáo T: Bị cáo thừa nhận, khi nhận được điện thoại của Ph với nội dung “lên rước tôi về H gà và D chém tôi, lấy xe tôi luôn rồi tại Ao Cá”, thì T biết được lên gặp Ph sẽ cùng Ph đi đánh nhau với nhóm của ông Th. Nên trước khi đi đón Ph, T đã đem theo 02 cây kéo. Tại trước cửa nhà ông Th, T đã cũng la lối, chửi bới, dùng kéo đâm, phóng cây kéo về phía nhóm của ông Th, nhưng không trúng ai. Ngoài T, còn có Ph và Q cùng tham gia chửi bới, đâm chém nhau với nhóm của ông Th. T còn thấy Q từ phía ngoài chạy vô có cầm gạch, đá ném về hướng ông Th và ông D, có trúng hay không thì không để ý.

Với các dữ liệu trên cho thấy, Ph, T và Q từ lúc đến nhà ông Th cho đến khi rời đi, sự việc các bị cáo chửi bới, đâm chém, ném gạch, đá vào nhóm của ông Th diễn ra trong khoảng thời gian dài (khoảng 10 phút), các bị cáo thực hiện hành vi này nhiều lần, bị cáo Ph và bị cáo T có thấy bị cáo Q tham gia, nhưng lại không có lời nói hoặc hành động ngăn cản bị cáo Q mà để mặc cho bị cáo Q hành động. Bị cáo Ph có ý thức gây thương tích cho ông Th ngay từ khi gặp ông Th ở quán Ao Cá. Theo đó, khi bị cáo Q đến nhà ông Th để tham gia bênh vực cho bị cáo và gây thương tích cho ông Th cũng nằm trong ý thức của bị cáo Ph. Do đó, hành vi của bị cáo Ph và bị cáo T có dấu hiệu phạm tội “Cố ý gây thương tích” với vai trò đồng phạm cùng bị cáo Q được quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không xử lý trong cùng vụ án là có dấu hiệu bỏ lọt người phạm tội.

[3.5] Ngoài dấu hiệu đồng phạm về hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo Q đối với ông Th nói trên, bị cáo Ph còn có hành vi gây thương tích cho ông Th tại quán “Ao Cá”:

Hồ sơ thể hiện, vào khoảng 22 giờ ngày 08/6/2023, tại quán Ao Cá thuộc khóm 10, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, bị cáo không có trực tiếp mâu thuẫn với ông Th nhưng khi nhìn thấy ông Th đi ngang qua chỗ bị cáo đang nhậu thì bị cáo đã về nhà lấy dao Thái Lan rồi quay trở lại quán đến chỗ ông Th ngồi và tấn công ngay lập tức. Ông Th bỏ chạy và bị vấp té, bị cáo tiếp tục đuổi theo dùng dao đâm từ trên xuống người ông Th, ông Th chụp được tay cầm dao của Ph giằng co làm gãy lưỡi dao; bị cáo tay trái kẹp cổ ông Th, tay PH dùng cán dao đâm tiếp vào hông ông Th. Sau đó 02 bên tiếp tục câu vật với nhau. Kết quả giám định xác định ông Th có các thương tích, gồm: 1. Một vết rách da vùng trán trái, kích thước 1,5cm x 0,1cm, không xếp tỷ lệ %; 2. Một vết rách da vùng trán trái, kích thước 02cm x 0,2cm, tỷ lệ 3%, do vật tày hoặc vật tày có cạnh gây ra; 3. Một vết xước da 1/3 trên mặt sau cẳng tay trái kích thước 06cm x 0,1cm, không xếp tỷ lệ %; 4. Một vết xước da ngang cán ức PH, kích thước 05cm x 1,5cm, không xếp tỷ lệ %; 5. Một vết thương hình cung răng dưới xương bả vai PH, kích thước 4,5cm x 04cm, tỷ lệ 2%, do vật có hình dạng hình cung răng rây ra; 6. Một vết xước da vùng hông lưng PH, kích thước 02cm x 0,2cm, không xếp tỷ lệ %. Bị cáo Ph và ông Th xác định các thương tích nói trên là do bị cáo Ph gây ra.

Bị cáo Ph có nhân thân không tốt, do có một tiền án năm 2012 cũng về tội “Cố ý gây thương tích” chưa được xóa, một tiền án năm 2018 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” đã được xóa, nay bị cáo lại tiếp tục có hành vi bạo lực. Hành vi của bị cáo đối với ông Th là nguy hiểm cho xã hội, với thái độ coi thường pháp luật, sẵn sàng sử dụng vũ lực để nhằm khuất phục người khác, có tính chất côn đồ. Sau khi xảy ra sự việc, ông Th có yêu cầu xử lý hành vi của bị cáo Ph. Hành vi của bị cáo Ph có dấu hiệu của tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra Công an huyện Trần Văn Thời xác định hành vi của Ph gây thương tích cho ông Th tại quán Ao Cá không đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” mà xử phạt vi phạm hành chính đối với Ph là không đúng quy định, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

Mặt khác, đối với các thương tích nói trên, ông Th xác định ngoài vết cắn có tỷ lệ 2% là do Ph cắn gây ra, các thương tích còn lại do Ph dùng vật gì gây ra cho ông cũng chưa được điều tra làm rõ.

[4] Xét thấy, các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, đánh giá chứng cứ không đúng, không toàn diện, dẫn đến bỏ lọt hành vi phạm tội đối với bị cáo Ph và bị cáo T, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được các vấn đề này, nên cần phải hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo Ph, T và Q để điều tra, giải quyết lại theo thủ tục chung.

[5] Với các phân tích nêu trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau được chấp nhận; Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Th cũng như kháng cáo của các bị hại được chấp nhận một phần.

[6] Do hủy một phần bản án sơ thẩm liên quan đến bị cáo T, nên không xem xét kháng cáo của bị cáo.

[7] Do hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm liên quan đến các bị cáo Ph, T và Q, nên các bị cáo này không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo hoặc bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm a, b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị hại Nguyễn Minh Th và Mai Hữu D: Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hải Tr2 và Huỳnh Văn T1; Hủy một phần Bản án án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đối với các bị cáo Bùi Tấn Ph, Nguyễn Hữu T và Huỳnh Thanh Q.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Nguyễn H Tr2 06 (sáu) tháng 03 (ba) ngày tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm.

2.2. Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Huỳnh Văn T1 06 (sáu) tháng 02 (hai) ngày tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm.

3. Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đối với các bị cáo Bùi Tấn Ph, Nguyễn Hữu T và Huỳnh Thanh Q. Giao hồ sơ về cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời để điều tra, giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

4. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2035/UBTVQH14 ngày 30/12/2035 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

4.1. Ông Nguyễn Minh Th và Mai Hữu D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4.2. Các bị cáo Ph, T và Q không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Trại giam Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Công an huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, án văn, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**